**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN MỘ ĐỨC**
**TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/5/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Việt;

2. Bà Ngô Thị Kim Ngân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thu Lệ – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc "*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi; giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Lệ T, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Hà Sơn T, sinh năm 1985
Địa chỉ: Khu dân cư số 11A, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 16/12/2019; các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị Lệ T trình bày:*

Chị và anh Hà Sơn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 15/9/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tthường xuyên chơi bài bạc về nhà gây gổ, chửi bới chị và chị đã gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, Tòa án đã thụ lý giải quyết, tại Tòa anh T hứa sửa đổi và viết giấy cam đoan nên chị đã rút đơn khởi

kiện cho vợ chồng chị một cơ hội đoàn tụ nhưng anh T không thay đổi, anh T vẫn dùng những lời lẽ miệt thị, khinh thường vợ, chửi bới cha mẹ vợ, thậm chí còn đánh đập chị trước mặt con. Nay, chị không thể chung sống với anh Tây được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Sơn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên Hà Lê Ngọc H, sinh ngày 18/11/2015. Hiện nay con đang ở với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Tây có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai ngày 28/02/2020 và các lời khai tại Tòa bị đơn là anh Hà Sơn T trình bày:*

Anh công nhận giữa anh và chị Lê Thị Lệ T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 15/9/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên trong quá trình chung sống cũng xảy ra mâu thuẫn, lúc nóng giận anh có những lời lẽ không hay và có đánh vợ anh. Sau khi bình tĩnh và suy nghĩ anh thấy hành vi của mình là sai, anh hối hận về hành vi của mình. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống, cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Có một con chung như chị T trình bày, trường hợp ly hôn thì anh đồng ý giao con chung là Hà Lê Ngọc H, sinh ngày 18/11/2015 cho chị T nuôi dưỡng và anh sẽ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Thống nhất ý kiến của chị T trình bày, vợ chồng tự thỏa thuân, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành đúng quy định pháp luật của nguyên đơn. Riêng bị đơn thực hiện không đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Lệ T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn anh Hà Sơn T; giao con chung Hà Lê Ngọc H, sinh ngày 18/11/2015 cho chị Lê Thị Lệ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuân, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:*

**[1] Về tố tụng:** Bị đơn là anh Hà Sơn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

**[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Lệ T và anh Hà Sơn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đg, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 15 tháng 9 năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp.

Chị T cho rằng, cuộc sống hôn nhân của chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh T thường xuyên chơi bài bạc về nhà kiếm chuyện gây gổ với chị, chửi bới cha mẹ chị và hơn thế nữa anh T còn có hành vi đánh đập chị, nay chị yêu cầu được ly hôn anh T. Anh T thừa nhận giữa vợ chồng anh xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả và anh có đánh chị T nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương yêu vợ con, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

HĐXX xét thấy: Cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho anh chị, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai chị T và anh T đều thừa nhận giữa hai vợ chồng không có sự tôn trọng, thường xuyên cãi vả và anh T đã có hành vi đánh vợ. Mặc dù, anh T không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

**[**2.2] Về con chung: Chị T và anh T có một con chung tên là Hà Lê Ngọc H, sinh ngày 18/11/2015. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ.

HĐXX xét thấy, chị T đang nuôi con ổn định, cháu H còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo ổn định cuộc sống và các điều kiện phát triển về tinh thần cho cháu. Hơn nữa anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, nguyện vọng xin nuôi con của chị T là có căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 và gia đình nên Luật hôn nhân được HĐXX chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ. Theo Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"* đây là nghĩa vụ của cha mẹ. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không mà người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và anh T cũng đồng ý cấp dưỡng cho con.

Vì vậy, yêu cầu của chị T phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận, theo đó anh Tây có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là Hà Lê Ngọc H, sinh ngày 18/11/2015 mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày 13/5/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

[2.3] Về tài sản chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Vì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ. Chị T đã nộp tạm ứng án phí nên được khấu trừ xong.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ cho con phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Lệ T.**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thị Lệ T được ly hôn anh Hà Sơn T.

**2. Về con chung:** Giao con chung Hà Lê Ngọc H, sinh ngày 18/11/2015 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh Hà Sơn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Hà Lê Ngọc H, sinh ngày 18/11/2015 mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày 13/5/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**3. Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về nợ chung:** Không có

**5. Về án phí:** Chị Lê Thị Lệ T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0002514, ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Hà Sơn T phải chịu tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

**Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/5/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Phong;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Vân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Việt** **Ngô Thị Kim Ngân** **Nguyễn Thị Bích Vân**

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi*
- *VKSND huyện Mộ Đức*
- *Chi cục THADS huyện Mộ Đức*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đức Phong;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Vân**